**Chi tiết thủ tục hành chính**

**Mã thủ tục:** 1.001261

**Số quyết định:** 395/QĐ-UBND

**Tên thủ tục:** Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

**Cấp thực hiện:** Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cơ quan khác

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Đăng kiểm

**Trình tự thực hiện:**

**Nộp hồ sơ TTHC:**

- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm: Tổ chức, cá nhân đưa xe cơ giới và các giấy tờ theo quy định đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định.

- Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: Tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị đến đơn vị đăng kiểm.

**Giải quyết TTHC:**

\* Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm: Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận giấy tờ và thực hiện kiểm định theo trình tự quy định cụ thể như sau:

- Tiếp nhận, kiểm tra, tra cứu cảnh báo, đối chiếu hồ sơ với dữ liệu trên Chương trình Quản lý kiểm định (riêng trường hợp kiểm định lần tiếp theo ngay sau lần xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu, đơn vị đăng kiểm phải đối chiếu thêm về thông số kỹ thuật của xe thực tế với cơ sở dữ liệu sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam), nếu không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại, nếu đầy đủ thì đăng ký kiểm định, thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới và in Phiếu kiểm định;

- Xe cơ giới kiểm định đạt yêu cầu, đơn vị đăng kiểm trả Giấy chứng nhận kiểm định và dán Tem kiểm định cho phương tiện. Đối với xe cơ giới chỉ có Giấy hẹn cấp đăng ký xe, đơn vị cấp Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe, khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe, đơn vị đăng kiểm phô tô để lưu trong Hồ sơ phương tiện, hồ sơ kiểm định và trả Giấy chứng nhận kiểm định. Trường hợp xe cơ giới có thông báo kiểm định không đạt trên cổng thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì đơn vị đăng kiểm xóa thông báo;

- Xe cơ giới kiểm định nếu có hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng, đơn vị đăng kiểm in và gửi Thông báo hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng cho chủ xe để sửa chữa, khắc phục. Trường hợp kiểm định không đạt và không được cấp Giấy chứng nhận kiểm định thì đơn vị đăng kiểm phải nhập nội dung không đạt vào mục cảnh báo phương tiện không đạt trên cổng thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

\* Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

- Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, xem xét đề nghị của chủ xe, nếu đúng đối tượng theo quy định và đủ điều kiện đường thử thì trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ xe, đơn vị đăng kiểm có văn bản thông báo cho chủ xe về thời gian kiểm tra. Trường hợp không đủ điều kiện đường thử thì có văn bản thông báo cho chủ xe và nêu rõ lý do.

- Chủ xe đưa xe đến địa điểm kiểm tra, đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm định xe cơ giới theo trình tự và cách thức thực hiện theo quy định như đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm.

**Cách thức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức nộp** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí** | **Mô tả** |
| Trực tiếp | 1 Ngày làm việc | Lệ phí : (Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định)  Mức giá : (Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.) | - Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm (Trong ngày làm việc) - Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm (Trong ngày làm việc) |
| Trực tuyến | 1 Ngày làm việc | Lệ phí : (Lệ phí : Đồng (Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định)  Mức giá : (Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.) | - Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm (Trong ngày làm việc) |
| Dịch vụ bưu chính | 1 Ngày làm việc | Phí : (Lệ phí : Đồng (Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định)  Mức giá : (Mức giá : Đồng (Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.) | - Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm (Trong ngày làm việc) |

**Thành phần hồ sơ:**

**- Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| + Văn bản đề nghị theo mẫu; | Mẫu 2.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Xuất trình: giấy tờ về đăng ký xe (bản chính Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc Giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp của tổ chức tín dụng) hoặc Giấy hẹn cấp Giấy đăng ký; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo đối với trường hợp xe cơ giới mới cải tạo. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang thông tin điện tử quản lý thiết bị giám sát hành trình, camera đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình, camera; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Khai báo về việc kinh doanh vận tải vào Phiếu theo dõi hồ sơ theo mẫu. | Mẫu 1.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm: Chủ xe phải khai báo thông tin và cung cấp giấy tờ sau đây để lập Hồ sơ phương tiện (trừ trường hợp kiểm định lần đầu để cấp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định có thời hạn hiệu lực 15 ngày):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| + Xuất trình: Giấy tờ về đăng ký xe (Bản chính Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc bản chính Giấy biên nhận giữ bản chính Giấy đăng ký xe (kèm theo bản sao giấy đăng ký xe) đang thế chấp của tổ chức tín dụng hoặc Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính (kèm theo bản sao giấy đăng ký xe)) hoặc Giấy hẹn cấp Giấy đăng ký xe; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước (trừ xe cơ giới thanh lý); |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| + Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo đối với trường hợp xe cơ giới mới cải tạo; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Bản cà số khung, số động cơ của xe đối với trường hợp xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT); |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Khai báo thông tin các thông tin tương ứng quy định tại Phiếu theo dõi hồ sơ. | Mẫu 1.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang thông tin điện tử quản lý thiết bị giám sát hành trình, camera đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình, camera; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Khai báo về việc kinh doanh vận tải vào Phiếu theo dõi hồ sơ theo mẫu. | Mẫu 1.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã

**Cơ quan thực hiện:** Các đơn vị đăng kiểm

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

**Căn cứ pháp lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số ký hiệu** | **Trích yếu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** |
| 238/2016/TT-BTC | Thông tư 238/2016/TT-BTC | 11-11-2016 |  |
| 199/2016/TT-BTC | Thông tư 199/2016/TT-BTC | 08-11-2016 |  |
| 16/2021/TT-BGTVT | Thông tư 16/2021/TT-BGTVT | 12-08-2021 |  |
| 55/2022/TT-BTC | Thông tư 55/2022/TT-BTC | 24-08-2022 |  |
| 36/2022/TT-BTC | Thông tư 36/2022/TT-BTC | 16-06-2022 |  |
| 02/2023/TT-BGTVT | Thông tư 02/2023/TT-BGTVT | 21-03-2023 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Xe cơ giới không thể di chuyển đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định được phép thực hiện kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm, bao gồm: xe cơ giới mà trên Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe sản xuất, lắp ráp hoặc Giấy chứng nhận (hoặc Thông báo miễn kiểm tra) chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu) có ghi thông tin “xe cơ giới không tham gia giao thông đường bộ”; xe cơ giới hoạt động tại các vùng đảo không có đơn vị kiểm định; xe cơ giới đang hoạt động tại các khu vực bảo đảm về an toàn, an ninh, quốc phòng; xe cơ giới hoạt động trong khu vực hạn chế như cảng, mỏ, công trường; xe cơ giới đang thực hiện các nhiệm vụ cấp bách (phòng chống thiên tai, dịch bệnh).

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin